

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 12 - 2021.

*“V/v Ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Minh Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Công Định và bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2021/TB-TA ngày 09/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện B, tỉnh Hải Dương.

**Bị đơn:** Anh Choi Byung W, sinh năm 1981.

Quốc tịch: Hàn Quốc.

Địa chỉ: Hàn Quốc.

Chị T, anh Choi Byung W đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị T trình bày:**  
Chị và anh Choi Byung W kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc số 2016-10262 ngày 17/6/2016 và được ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại UBND huyện B, tỉnh Hải Dương số 28/TLGCKH ngày 11/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc được một tháng thì anh Choi Byung W về nước. Đầu năm 2017, chị làm thủ tục sang Hàn Quốc để chung sống cùng anh Choi Byung W, nhưng do bất đồng ngôn ngữ, văn hóa và quan điểm sống nên nảy sinh mâu

thuần, dẫn đến cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị thuê nhà trọ ra chỗ khác sinh sống, mỗi người sống một nơi, cả hai đều không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đầu năm 2019, anh Choi Byung W đã làm đơn ly hôn chị tại Tòa án Hàn Quốc và đã có quyết định ly hôn. Tháng 6/2019, chị về Việt Nam sinh sống tuy nhiên do bản án của Tòa án Hàn Quốc không được công nhận thi hành tại Việt Nam. Nay chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Choi Byung W theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, nên chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cung cấp địa chỉ của anh Choi Byung W tại Hàn Quốc. Tòa án đã đăng các văn bản tố tụng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và thực hiện ủy thác tư pháp theo đúng quy định của pháp luật. Cục quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc đã thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp số 2021-D-357 ngày 23/7/2021.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị T và anh Choi Byung W đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Choi Byung W. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Anh Choi Byung W (bị đơn trong vụ án) là người có quốc tịch Hàn Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh theo quy định tại Điều 35, 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng đạt bản tố tụng, tiến hành lấy lời khai đối với anh Choi Byung W. Do cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp nên Tòa án đã có Công văn số 287/2021/CV-TA ngày 28/10/2021 đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc đăng toàn bộ văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T đối với anh Choi Byung W trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ

quán, đồng thời Tòa án cũng tiến hành đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Choi Byung W.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Choi Byung W kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc số 2016-10262 ngày 17/6/2016 và làm thủ tục ghi chú kết hôn tại UBND huyện B, tỉnh Hải Dương số 28/TLGCKH ngày 11/11/2016. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc được một tháng thì anh Choi Byung W về nước. Đầu năm 2017, chị làm thủ tục sang Hàn Quốc để chung sống cùng anh Choi Byung W, do bất đồng ngôn ngữ, văn hóa và quan điểm sống nên mâu thuẫn không thể khắc phục, dẫn đến cãi chửi nhau nên chị T đã thuê trọ ra ở riêng, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đầu năm 2019, anh Choi Byung W đã làm đơn ly hôn chị T tại Tòa án Hàn Quốc và đã có quyết định ly hôn. Tháng 6/2019, chị T về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Do bản án của Tòa án Hàn Quốc không được công nhận thi hành tại Việt Nam nên chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Choi Byung W theo pháp luật Việt Nam. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Choi Byung W là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Choi Byung W.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2018/0004809 ngày 07/12/2020. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Vũ Thị T phải chịu 200.000đ lệ phí ủy thác

tư pháp, nhưng được đối trừ số tiền lệ phí 200.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004829 ngày 04/01/2021. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Choi Byung W đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND huyện B, tỉnh Hải Dương (để  
nghỉ vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Mạc Minh Quang**